

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN

Bản án số: 26/2024/DS-ST

Ngày: 11-6-2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
thẻ tín dụng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Thành
- Bà Nguyễn Thị Bích Phượng

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương - Thư ký TAND huyện C.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân** huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương Mại cổ phần S;

Địa chỉ trụ sở chính: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà D (theo Quyết định ủy quyền số 3272/2022/QĐ – PL ngày 26/12/2022): Ông Trần Di T - chức vụ: Trưởng Phòng Giao dịch C).

Ông Thuận ủy quyền cho ông Võ Hồng L – Phó phòng Giao dịch C và bà Nguyễn Thị Thu V – Chuyên viên khách hàng cá nhân.

Địa chỉ nhận thông báo: 84B, khu phố 1B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn D, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/08/2023 của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại cổ phần S và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Võ Hồng L và bà Nguyễn Thị Thu V là người đại diện theo ủy quyền trình bày:* Ngày 28/11/2022, ông Nguyễn D có ký với Ngân hàng TMCP S Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng. Căn cứ thu nhập của ông Nguyễn D, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất thẻ là 33,20%/năm. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Nguyễn D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 30.450.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông Nguyễn D đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 8.756.676 đồng. Tính đến ngày 09/06/2024, ông Du còn nợ Ngân hàng tổng cộng là 31.826.241 đồng, trong đó nợ gốc là 25.975.412 đồng và nợ lãi là 5.850.829 đồng. Ngân hàng nhiều lần yêu cầu ông Du thanh toán nợ nhưng ông Du không thực hiện nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngân hàng không đồng ý việc ông Du yêu cầu được thanh toán nợ mỗi tháng 500.000 đồng, yêu cầu ông Du phải thanh toán một lần hết số nợ cho Ngân hàng.

- *Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, bị đơn ông Nguyễn D trình bày:* ông thừa nhận ngày 28/11/2022, ông có ký với Ngân hàng TMCP S Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ, ông đã rút ra sử dụng số tiền 30.000.000 đồng và có trả được số tiền khoảng 7 triệu đồng. Ông thừa nhận hiện còn nợ Ngân hàng tiền gốc và tiền lãi theo như nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng. Hiện tại ông đang kinh doanh thất bại nên không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng, ông yêu cầu được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng bắt đầu từ tháng 6/2024 đến khi thanh toán hết số nợ. Ông Du có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: từ khi thụ lý vụ án ở cấp sơ thẩm cho đến thời điểm hiện tại thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung: Tại thời điểm ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 28/11/2022, ngân hàng TMCP S căn cứ vào thu nhập thực tế của ông Nguyễn D có cấp thẻ tín dụng với hạn mức 40.000.000 đồng cho ông Du với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Du đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 30.450.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ ông Du không thanh toán nợ đúng hạn cho ngân hàng nên ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông Du thanh toán nợ nhưng ông Du không thực hiện. Do đó, đề nghị căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự, Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH đề nghị giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: ông Nguyễn D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông Nguyễn D.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương Mại cổ phần S khởi kiện ông Nguyễn D là vụ kiện “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3]. Về nội dung:

[3.1.]. Căn cứ vào “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng” ngày 28/11/2022 và lời trình bày của ông Nguyễn D thể hiện phía Ngân hàng Thương Mại cổ phần S căn cứ vào thu nhập thực tế của ông Nguyễn D có cấp thẻ tín dụng với hạn mức 40.000.000 đồng cho ông Du với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Du đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 30.450.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ ông Du không thanh toán nợ đúng hạn cho ngân hàng, nên ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

[3.2.]. Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại cổ phần S đối với ông Nguyễn D là có căn cứ, nên được chấp nhận. Buộc ông Nguyễn D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương Mại cổ phần S số tiền vay còn nợ đến ngày 09/06/2024 tổng cộng là 31.826.241 đồng, trong đó nợ gốc 25.975.412 đồng và nợ lãi là 5.850.829 đồng, cùng lãi suất phát sinh đối với số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 10/6/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ. Đối với nội dung ông Du yêu cầu trả dẫn mỗi tháng 500.000 đồng nhưng Ngân hàng Thương Mại cổ phần S không đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Du.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông ông Nguyễn D phải chịu án phí để sung công quỹ Nhà nước. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương Mại cổ phần S.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 28, 35, 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại cổ phần S đối với ông Nguyễn D về việc “tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng”.

[2]. Buộc ông Nguyễn D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương Mại cổ phần S số tiền vay còn nợ đến ngày 09/06/2024 là 31.826.241 đồng, trong đó nợ gốc 25.975.412 đồng và nợ lãi là 5.850.829 đồng.

[3]. Kể từ ngày 10/6/2024, ông Nguyễn D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí phát sinh được tính theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng” được Ngân hàng Thương Mại cổ phần S phê duyệt ngày 28/11/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ.

[4]. Về án phí: Buộc ông Nguyễn D phải chịu 1.591.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Hoàn lại Ngân hàng thương mại cổ phần S tiền tạm ứng án phí đã nộp 742.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010127 ngày 01/3/2024 của Chi cục Thi hành dân sự huyện C, tỉnh Long An.

[5]. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

[6]. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thùy Trang